

UBND TỈNH NINH THUẬN
CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NINH SƠN



ĐỀ CƯƠNG

NHIỆM VỤ VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN DU LỊCH
SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ TẠI CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP NINH SƠN, GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

Ninh Sơn, năm 2022

MỤC LỤC

I. PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
1.1. Sự cần thiết lập đề án	1
1.2. Tên đề án	2
1.3. Căn cứ pháp lý thực hiện đề án	2
II. MỤC TIÊU ĐỀ ÁN	4
2.1. Mục tiêu chung	4
2.2. Mục tiêu cụ thể	4
III. PHẠM VI, QUY MÔ LẬP ĐỀ ÁN.....	4
IV. NỘI DUNG - KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN	5
4.1. Xây dựng đề cương kỹ thuật, dự toán kinh phí.....	5
4.2. Thu thập, phân tích, đánh giá tổng quan các tài liệu liên quan.....	5
4.2.1. Thu thập, rà soát các cơ sở pháp lý, các định hướng pháp triển du lịch sinh thái của huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận và Quốc gia; phân tích, đánh giá tổng quan các tài liệu liên quan.....	5
4.2.2. Thu thập thông tin về điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội.....	6
4.3. Điều tra, khảo sát, thu thập số liệu bổ sung phục vụ việc lập đề án	6
4.3.1. Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin về hiện trạng tài nguyên rừng.....	6
4.3.2. Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin về tiềm năng du lịch, hiện trạng các tuyến, điểm tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái và cho thuê môi trường rừng..	7
4.3.3. Điều tra, đánh giá thực trạng các hoạt động quản lý, bảo vệ rừng làm cơ sở định hướng các giải pháp bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường và duy trì chức năng phòng hộ của rừng	8
4.4. Xử lý, tính toán, phân tích số liệu và viết báo cáo	8
4.4.1. Xử lý, phân tích số liệu	8
4.4.2. Xử lý, số hóa bản đồ.....	9
4.4.3. Xây dựng báo cáo đề án	9
V. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN	10
5.1. Phương pháp kế thừa.....	10
5.2. Phương pháp phân tích tổng hợp.....	10
5.3. Phương pháp điều tra, khảo sát thực địa	10
5.4. Phương pháp chuyên gia	10
5.5. Phương pháp phân tích dữ liệu không gian và ứng dụng công nghệ.....	10

VI. SẢN PHẨM CỦA ĐỀ ÁN	11
1. Báo cáo, tờ trình, quyết định phê duyệt	11
2. Các loại bản đồ (tỷ lệ 1/25.000).....	11
VII. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN	11
1. Tổ chức thực hiện khảo sát, nghiên cứu lập đề án	11
2. Thời gian triển khai lập đề án.....	11
XIII. DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN	12
1. Căn cứ lập dự toán.....	12
2. Tổng hợp dự toán thực hiện	12

I. PHÂN MỞ ĐẦU

1.1. Sự cần thiết lập đề án

Rừng là một hệ sinh thái bao gồm: các loài thực vật rừng, động vật rừng, nấm, vi sinh vật, đất rừng và các yếu tố môi trường khác như: đất, nước, thời tiết, khí hậu,... Vì vậy, giá trị của rừng không chỉ nằm trong các sản phẩm gỗ mà chứa đựng một giá trị rất lớn khác đó là dịch vụ môi trường rừng. Nhận thức được giá trị nhiều mặt của rừng trong cuộc sống nên nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong công tác bảo vệ rừng, phát triển và sử dụng bền vững tài nguyên rừng trong thời gian qua, trong đó có hoạt động dịch vụ du lịch sinh thái (DLST), nghỉ dưỡng, giải trí đã, đang sẽ tiếp tục được quan tâm.

Việt Nam cũng cho phép các đơn vị chủ rừng chủ động các hoạt động khai thác các dịch vụ môi trường rừng trong rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng sản xuất để phát triển du lịch sinh thái, giải trí, nghỉ dưỡng, tạo nguồn thu đầu tư lại cho công tác bảo vệ và phát triển rừng, giảm gánh nặng cho ngân sách Nhà nước, đồng thời góp phần thay đổi nhận thức về vai trò và giá trị nhiều mặt của rừng; Tuy nhiên, những hoạt động này tiến hành còn rất chậm và hầu như mới chỉ triển khai ở một số ít khu rừng đặc dụng là các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên mà chưa triển khai tại các khu rừng phòng hộ, sản xuất. Nguyên nhân do: (i) Thiếu nguồn kinh phí để đầu tư xây dựng hạ tầng phát triển du lịch; (ii) Thiếu hướng dẫn triển khai thực hiện cho rừng phòng hộ, sản xuất; (iii) Chưa có đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí (iv) Cơ chế hợp tác đầu tư phát triển du lịch giữa các ban quản lý rừng với các nhà đầu tư chưa rõ.... từ đó dẫn đến khó triển khai các hoạt động phát triển du lịch.

Trong khi, xu thế phát triển trong thời gian gần đây là có nhiều công ty, tổ chức, cá nhân có nhu cầu thuê môi trường rừng tại các Vườn quốc gia, khu bảo tồn, các BQL rừng phòng hộ... để kinh doanh DLST, nghỉ dưỡng, giải trí. Mặc dù được hình thành chưa lâu, nhưng đây là một hướng phát triển có tiềm năng và nhận được sự đồng thuận của xã hội, vì nó tạo ra sự liên kết mật thiết, chặt chẽ thúc đẩy lẫn nhau của hai hoạt động phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ, phát triển tài nguyên rừng. Thuê môi trường rừng còn là một phương thức nhằm xã hội hóa dịch vụ môi trường rừng từ đó góp phần tạo nguồn thu để đầu tư lại các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng bằng nguồn vốn tự có, giảm đầu tư của Nhà nước đối với các khu rừng có nhiều dịch vụ môi trường rừng.

Ở Việt Nam, cho thuê môi trường rừng kinh doanh DLST, nghỉ dưỡng, giải trí được thể hiện trong các chủ trương của Đảng, Nhà nước, đã được áp dụng thí điểm ở một số Vườn quốc gia như: Ba Vì, Ba Bể, Bidoup - Núi Bà, Côn Đảo... Thực tế triển khai chính sách cho thuê môi trường rừng kinh doanh du lịch hiện đang được tổ chức khá thành công ở các Vườn quốc gia trên. Năm 2009, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức đánh giá mô hình "thuê môi trường rừng làm DLST" ở một số tỉnh, thành phố, các ý kiến tại hội nghị đều ghi nhận "Thuê môi trường rừng không chỉ mang lại hiệu quả kinh tế, mô hình này còn tạo lợi ích cho cả "ba nhà" (Nhà nước, doanh nghiệp và nông dân) và đặc biệt đã thực hiện được xã hội hóa nghề rừng".

Theo Điều 23, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp đã quy định rõ: (i) Chủ rừng xây dựng đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; (ii) Sau khi đề án được duyệt, chủ rừng phối hợp với tổ chức, cá nhân lập dự án đầu tư du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo phương thức tự tổ chức, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng phù hợp với đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

Để phát huy giá trị của rừng, tạo nguồn thu đóng góp trở lại cho các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng của chủ rừng thì việc cho thuê môi trường rừng để phát triển du lịch ở Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn là cần thiết.

Thực hiện chủ trương của UBND tỉnh tại Văn bản số 1100/UBND-KTTH ngày 18/3/2022 về việc xây dựng đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại các khu rừng, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn đã phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu lập đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn, giai đoạn 2021 - 2030 với các nội dung chính như sau:

1.2. Tên đề án

Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn, giai đoạn 2021 - 2030.

1.3. Căn cứ pháp lý thực hiện đề án

- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017 của Quốc hội;
- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội;
- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 ngày 13/11/2008 của Quốc hội;
- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 của Quốc hội;
- Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn;
- Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ, Sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch;
- Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về việc thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận phát triển kinh tế - xã hội, ổn định sản xuất, đời sống nhân dân giai đoạn 2018-2023;
- Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;
- Quyết định số 2473/QĐ-TTg ngày 30/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030;

- Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020 tầm nhìn 2030;
- Quyết định số 2350/QĐ-TTg ngày 24/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Duyên hải Nam Trung bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;
- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL, ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;
- Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý rừng bền vững;
- Văn bản số 1183/TCLN-ĐDPH ngày 31/8/2021 của Tổng cục Lâm nghiệp về việc xây dựng đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ;
- Chương trình số 134-CTr/TU ngày 21/6/2017 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;
- Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt kết quả quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025; Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 của UBND tỉnh Ninh Thuận bổ sung một số nội dung tại Điều 1 Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận về Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung trong quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016 - 2020;
- Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 28 tháng 2 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc công bố hiện trạng rừng tỉnh Ninh Thuận năm 2021;
- Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt kết quả Dự án điều tra, đánh giá và giám sát tài nguyên rừng tỉnh Ninh Thuận;
- Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc bổ sung một số nội dung tại Điều 1 Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của HĐND tỉnh về quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025;
- Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 04/9/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030;
- Quyết định số 2404/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn đến năm 2030;
- Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 31/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Thuận về phát triển du lịch Ninh Thuận trở thành ngành kinh tế mũi nhọn giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030;
- Quyết định số 555/QĐ-UBND ngày 03/10/2021 của UBND tỉnh Ninh

Thuận về việc phê duyệt đề án phát triển du lịch Ninh Thuận giai đoạn 2021 – 2025 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 31/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

- Kế hoạch số 603/KH-UBND ngày 16/2/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận về Thực hiện nhiệm vụ phát triển du lịch Ninh Thuận trở thành ngành kinh tế mũi nhọn năm 2022;

- Văn bản số 1100/UBND-KTTH ngày 18/3/2019 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc xây dựng đề án phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại các khu rừng;

II. MỤC TIÊU ĐỀ ÁN

2.1. Mục tiêu chung

Nhằm khai thác tiềm năng môi trường sinh thái tự nhiên của khu rừng một cách hợp lý để phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí góp phần phát triển kinh tế xã hội địa phương gắn với tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên rừng của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn, giai đoạn 2021 - 2030;

Làm cơ sở để các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thuê môi trường rừng của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn lập dự án đầu tư du lịch sinh thái kết hợp bảo vệ, phát triển rừng và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên đảm bảo các quy định của nhà nước;

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Xác định được các khu vực có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái và cho thuê môi trường rừng;

- Đánh giá được hiện trạng tài nguyên thiên nhiên các khu vực có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái và cho thuê môi trường rừng;

- Xác định được các loại hình và sản phẩm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí dự kiến;

- Xác định được các tuyến, điểm tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí;

- Xác định được địa điểm, quy mô xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí ở các khu vực có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái và cho thuê môi trường rừng;

- Xác định được khu vực cho thuê môi trường rừng để phát triển du lịch và một số nguyên tắc, thời gian cho thuê;

- Xác định được các giải pháp bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường và duy trì chức năng phòng hộ của rừng;

- Xác định được các hoạt động giám sát, đánh giá các hoạt động du lịch sinh thái.

III. PHẠM VI, QUY MÔ LẬP ĐỀ ÁN

Phạm vi: Trên toàn bộ lâm phận quản lý của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn;

Tổng diện tích khảo sát là 28.485,41 ha (Số liệu được trích xuất từ bản đồ kèm theo Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 28 tháng 2 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận).

IV. NỘI DUNG - KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN

Để xây dựng được đề án, cần thiết phải thực hiện các nội dung công việc sau:

4.1. Xây dựng đề cương kỹ thuật, dự toán kinh phí

a) Nội dung

- Thu thập các tài liệu, bản đồ có liên quan phục vụ xây dựng đề cương và dự toán;

- Xây dựng đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí;

- Chỉnh sửa đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí sau khi góp ý của các sở, ban ngành của tỉnh;

- Trình thẩm định, phê duyệt đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí.

b) Khối lượng

Đề cương và dự toán Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định và UBND tỉnh phê duyệt.

4.2. Thu thập, phân tích, đánh giá tổng quan các tài liệu liên quan

4.2.1. Thu thập, rà soát các cơ sở pháp lý, các định hướng pháp triển du lịch sinh thái của huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận và Quốc gia; phân tích, đánh giá tổng quan các tài liệu liên quan

a) Nội dung

- Thu thập các văn bản pháp lý và các tài liệu về quy hoạch phát triển du lịch của quốc gia, tỉnh và của vùng, của huyện và các đơn vị liên quan.

- Thu thập chọn lựa, kế thừa những tài liệu, số liệu, những thông tin có liên quan đến nội dung và đối tượng nghiên cứu trong đề án.

- Phân tích, đánh giá tổng hợp các nội dung và đối tượng nghiên cứu một cách khách quan và chính xác.

- Phân tích xu hướng phát triển du lịch trong các khu rừng phòng hộ

- Đề án chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

- Báo cáo, bản đồ, số liệu hiện trạng tài nguyên rừng trên địa bàn Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn từ kết quả kiểm kê rừng năm 2016 đã được cập nhật đến năm 2020;

- Báo cáo thuyết minh, bản đồ quy hoạch phát triển du lịch tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020;

- Báo cáo thuyết minh, bản đồ, số liệu phương án quản lý rừng bền vững tại

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn;

- Báo cáo thuyết minh, bản đồ, số liệu Quy hoạch, Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh giai đoạn đến năm 2020;

- Báo cáo thuyết minh, bản đồ, số liệu Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn giai đoạn 2016 - 2020;

- Báo cáo thuyết minh, bản đồ, số liệu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Ninh Sơn đến năm 2020;

- Báo cáo thuyết minh, bản đồ, số liệu quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016 - 2025;

b) Khối lượng

- Thu thập thông tin về lĩnh vực du lịch của huyện Ninh Sơn trong giai đoạn 2015 - 2020 và định hướng phát triển du lịch đến năm 2030 tại Phòng Văn hóa và Thông tin của huyện; các tài liệu về bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng tại chủ rừng; các tài liệu về tình hình du lịch trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

4.2.2. Thu thập thông tin về điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội

a) Nội dung

- Thu thập, kế thừa số liệu, báo cáo, bản đồ về điều kiện tự nhiên (vị trí địa lý, đặc điểm khí hậu, thủy văn, đất đai) vùng dự án;

- Thu thập số liệu hiện trạng kinh tế xã hội liên quan đến du lịch sinh thái của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn (tình hình: sử dụng đất, dân cư, phong tục và tập quán canh tác...);

- Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật (giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc);

- Hiện trạng các công trình xây dựng: trạm, chốt bảo vệ rừng; chòi canh; ...

- Đánh giá các điều kiện để phát triển DLST (Đánh giá điều kiện kinh tế; cơ sở vật; điều kiện xã hội; cơ hội và thách thức phát triển DLST);

b) Khối lượng

- Thu thập kinh tế xã hội liên quan đến du lịch sinh thái: 03 xã (Hòa Sơn, Ma Nới, Mỹ Sơn).

4.3. Điều tra, khảo sát, thu thập số liệu bổ sung phục vụ việc lập đề án

4.3.1. Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin về hiện trạng tài nguyên rừng

a) Nội dung

Đối với hiện trạng rừng và đất chưa có rừng tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn sẽ được kế thừa tại số liệu diễn biến rừng năm 2021, số liệu về đa dạng sinh học được sử dụng tại báo của Phương án quản lý rừng bền vững; ngoài ra cần bổ sung một số nội dung sau đây:

- Xác định vị trí và khoanh vẽ ranh giới các khu vực có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và cho thuê môi trường rừng của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn;

- Khảo sát ghi nhận thông tin về các sinh cảnh rừng của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn, đặc biệt là các sinh cảnh tiêu biểu, đặc trưng.

b) Khối lượng

- Theo Phương án quản lý rừng bền vững Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn đến năm 2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2404/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 thì trên lâm phần quản lý của Công ty có 03 khu vực có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và cho thuê môi trường rừng (Khu vực ven hồ chứa nước sông Than; Khu vực Thác Mưa; Khu vực thác Liên Xô) cần khảo sát, khoanh vẽ ranh giới tương ứng với 90 km cần khảo sát (3 khu vực x 30 km/khu vực).

4.3.2. Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin về tiềm năng du lịch, hiện trạng các tuyến, điểm tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái và cho thuê môi trường rừng.

a) Nội dung

- Điều tra, khảo sát các yếu tố tạo nên các sản phẩm dịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn (bao gồm các giá trị về cảnh quan; về lịch sử và văn hóa...);

- Khảo sát tình hình phát triển du lịch, dịch vụ tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn;

- Tham vấn địa phương, chủ rừng và các bên liên quan về tiềm năng khai thác, phát triển các tuyến, điểm du lịch;

- Khảo sát hiện trường mô tả các tuyến, điểm tổ, khu vực chức các hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và cho thuê môi trường rừng nhằm xác định được vị trí, diện tích, tọa độ và bản đồ các tuyến điểm có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn;

- Xác định các loại hình và sản phẩm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí dự kiến tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn;

- Xác định địa điểm, quy mô xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn.

b) Khối lượng

- Theo Phương án quản lý rừng bền vững Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn đến năm 2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2404/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 thì trên lâm phần quản lý của Công ty có 06 tuyến du lịch có tiềm năng (Tuyến Ma Núi – Kíu; Tuyến Tà Nôi - Thác Mưa; Tuyến Tà Nôi - Ma Bó; Tuyến Ninh Sơn - Phan Dũng - Tà Năng; Tuyến Phan Rang - Tháp Chàm - Ma Bó; Tuyến Đà Lạt - Vườn cây ăn trái Lâm sơn - Thác Mưa); khối lượng khoảng 6 tuyến x 20 km/tuyến = 120 km; ngoài ra trong quá trình khảo sát nếu phát sinh tuyến phù hợp với các tuyến Phương án quản lý rừng bền vững đã đề xuất thì sẽ tiếp tục điều tra, khảo sát nhằm nâng cao giá trị du lịch cho Công ty.

- Tổng số điểm dự kiến trên các tuyến có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái là 30 điểm (20 điểm có giá trị về cảnh quan; 10 điểm có giá trị về văn hóa).

- Tổng số điểm dự kiến khảo sát để xây dựng công trình phục vụ phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí: 50 điểm.

4.3.3. Điều tra, đánh giá thực trạng các hoạt động quản lý, bảo vệ rừng làm cơ sở định hướng các giải pháp bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường và duy trì chức năng phòng hộ của rừng

a) Nội dung

Điều tra thực địa các nội dung thực hiện bảo vệ và phát triển bao gồm: Diện tích, khối lượng, giải pháp kỹ thuật, cách thức triển khai về:

- Bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học;
- Phòng cháy chữa cháy rừng;
- Phục hồi rừng: trồng mới khu vực đất trống, trồng bổ sung dưới rừng tự nhiên có mật độ thấp, trồng cây xanh cảnh quan, chăm sóc, nuôi dưỡng rừng...

b) Khối lượng

- Khối lượng điều tra: trên toàn bộ diện tích quản lý của đơn vị 28.485,41 ha

4.4. Xử lý, tính toán, phân tích số liệu và viết báo cáo

4.4.1. Xử lý, phân tích số liệu

Dựa trên kết quả thu thập các tài liệu liên quan và điều tra bổ sung ngoài thực địa; số liệu cần phải được xử lý, phân tích phục vụ xây dựng đề án với các nội dung chính như sau:

a. Xử lý, phân tích số liệu về kinh tế xã hội và hiện trạng tài nguyên thiên nhiên

- Tổng hợp, phân tích số liệu về kinh tế xã hội;
- Tính toán diện tích các loại đất loại rừng ở các khu vực tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và cho thuê môi trường rừng;
- Tổng hợp, phân tích các thành phần thực vật, động vật rừng và các sinh cảnh rừng ở các khu vực tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và cho thuê môi trường rừng.

b. Xử lý, phân tích số liệu về du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

- Tổng hợp, tính toán số liệu hiện trạng tài nguyên du lịch; các loại hình và sản phẩm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí ở các khu vực tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và cho thuê môi trường rừng.
- Thống kê vị trí, diện tích các tuyến, điểm có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; các tuyến điểm có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí cần phải thể hiện được vị trí, diện tích, tọa độ của mỗi tuyến, điểm, khu vực...
- Phân tích thời gian, phương thức tổ chức thực hiện các hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại các tuyến, điểm và khu du lịch.
- Tính toán quy mô xây dựng các công trình kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

- Xác định các khu vực cho thuê môi trường rừng; Các khu vực dự kiến thuê môi trường rừng cần thể hiện được vị trí, diện tích, tọa độ của mỗi khu vực.

- Tính toán, tổng hợp các giải pháp bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường và duy trì chức năng phòng hộ của rừng.

- Tổng hợp, xây dựng các giải pháp về tổ chức thực hiện đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; Tổ chức giám sát hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; Phân tích, xác định các giải pháp chủ yếu (Giải pháp về quản lý; Giải pháp về cơ chế chính sách); Giải pháp về vốn và đầu tư; Các giải pháp quảng bá và xúc tiến thị trường; Giải pháp bảo vệ môi trường khi tổ chức xây dựng các công trình hạ tầng và tổ chức các hoạt động về du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; Giải pháp đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; Phân tích các giải pháp tổ chức thực hiện, cơ cấu nhân lực quản lý; Tổ chức giám sát, đánh giá.

- Phân tích, xác định khái toán vốn cho các nội dung đầu tư chủ yếu, kế hoạch, tiến độ đầu tư, phân tích các giải pháp về nguồn vốn đầu tư.

- Phân tích hiệu quả kinh tế xã hội.

4.4.2. Xử lý, số hóa bản đồ

Dựa trên các bản đồ thu thập (bản đồ nền tỷ lệ 1/10.000; bản đồ diễn biến rừng năm 2021; bản đồ hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng sử dụng đất được xây dựng tại Phương án quản lý rừng bền vững...) và kết quả điều tra thực địa, tiến hành chồng xếp các lớp bản đồ và xây dựng các loại bản đồ sau:

- Bản đồ hiện trạng tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên du lịch và các sản phẩm du lịch của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn, tỷ lệ 1/25.000;

- Bản đồ quy hoạch các tuyến, điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; địa điểm, quy mô xây dựng các công trình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, tỷ lệ 1/25.000;

- Bản đồ quy hoạch các khu vực cho thuê môi trường rừng tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn, tỷ lệ 1/25.000.

4.4.3. Xây dựng báo cáo đề án

Dự kiến nội dung chính của đề án gồm 4 chương chính, gồm:

Tóm tắt đề án

Mở đầu

CHƯƠNG 1: Điều kiện phát triển du lịch và hiện trạng hoạt động du lịch tại RĐĐ\RPĐ

CHƯƠNG 2: Nội dung phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí giai đoạn 2021 – 2030.

CHƯƠNG 3: Giải pháp phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí gắn với bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học giai đoạn 2021 - 2030

CHƯƠNG 4: Tổ chức thực hiện, quản lý giám sát và hiệu quả của đề án phát

triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí giai đoạn 2021 – 2030.

Kết luận và kiến nghị.

(Nội dung chi tiết được thể hiện ở phần Phụ lục 1)

V. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

5.1. Phương pháp kế thừa

Được sử dụng để thu thập chọn lựa, kế thừa những tài liệu, số liệu, những thông tin có liên quan đến nội dung và đối tượng nghiên cứu trong đề án; Phương pháp này là tiền đề giúp cho việc phân tích, đánh giá tổng hợp các nội dung và đối tượng nghiên cứu một cách khách quan và chính xác.

5.2. Phương pháp phân tích tổng hợp

Phân tích, đánh giá toàn diện các nội dung, các đối tượng nghiên cứu trong đề án như: thực trạng tiềm năng tài nguyên du lịch; thực trạng công tác tổ chức quản lý và khai thác tài nguyên du lịch; thực trạng phát triển của hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển du lịch; phương thức cho thuê môi trường rừng; thời gian cho thuê môi trường rừng; giá thuê môi trường rừng; nguyên tắc cho thuê môi trường rừng; nguyên tắc phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; các giải pháp thực hiện đề án...

5.3. Phương pháp điều tra, khảo sát thực địa

Điều tra, kiểm tra chứng các tư liệu và số liệu trên thực tế; Thông qua phương pháp này cho phép xác định cụ thể hơn vị trí, ranh giới, quy mô cũng như tầm quan trọng của các đối tượng nghiên cứu; đánh giá các tiềm năng về cảnh quan, tài nguyên thiên nhiên, hệ động vật và thực vật rừng, các giá trị văn hóa, xã hội, đồng thời còn cho phép xác định khả năng tiếp cận. Các nội dung điều tra khảo sát gồm:

- Điều tra, xác định dự kiến danh mục các khu vực có tiềm năng du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí cho thuê môi trường rừng; phạm vi, quy mô, ranh giới, các giá trị tài nguyên thiên nhiên;
- Điều tra, mô tả tuyến du lịch, về thực trạng của tuyến, đặc điểm nổi bật trên tuyến;
- Tham vấn các bên liên quan về các loại hình, sản phẩm du lịch;
- Điều tra, thu thập các số liệu phục vụ định giá các giá trị của rừng.

5.4. Phương pháp chuyên gia

Tham vấn ý kiến các chuyên gia để hoàn thiện các kết quả phân tích đánh giá; Việc tham vấn rộng rãi ý kiến các chuyên gia có nhiều kinh nghiệm sẽ tạo điều kiện xây dựng đề án phong phú, sát với nhu cầu thực tiễn và phù hợp với định hướng quy hoạch.

5.5. Phương pháp phân tích dữ liệu không gian và ứng dụng công nghệ

Dữ liệu bản đồ được đánh giá thông qua phân tích không gian sử dụng các phần mềm GIS hỗ trợ như MapInfo, ArcGIS.

Sử dụng công nghệ Mobile GIS sử dụng lưu ảnh hiện trường, ghi chép dữ liệu do đạc hiện trường và kết xuất vào máy tính có sử dụng các phần mềm GIS chuyên nghiệp sẽ được sử dụng cho quá trình khảo sát, đánh giá hiện trường và trong quá trình lập đề án.

Sử dụng các phần mềm SPSS, Excel, để tính toán số liệu.

5.6. Tổ chức các hội thảo

- Tổ chức các hội thảo kỹ thuật: thảo luận và góp ý cho dự thảo đề án phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn.

- Thành phần hội thảo kỹ thuật: Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Chi cục Kiểm lâm, UBND huyện Ninh Sơn, các đơn vị liên quan trên địa bàn và vùng phụ cận.

- Tiếp thu ý kiến từ các lần hội thảo kỹ thuật, hội nghị và hoàn thiện dự thảo báo cáo đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn.

VI. SẢN PHẨM CỦA ĐỀ ÁN

1. Báo cáo, tờ trình, quyết định phê duyệt

- Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn, giai đoạn 2021 - 2030 (10 bộ).

- Tờ trình trình thẩm định, phê duyệt Đề án.

2. Các loại bản đồ (tỷ lệ 1/25.000).

- Bản đồ hiện trạng tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên du lịch và các sản phẩm du lịch của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn, giai đoạn 2021 - 2030 (10 bộ);

- Bản đồ quy hoạch các tuyến, điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; địa điểm, quy mô xây dựng các công trình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, giai đoạn 2021 - 2030 (10 bộ);

- Bản đồ quy hoạch các khu vực cho thuê môi trường rừng tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn (10 bộ);

- Và các bản đồ A4 đính kèm báo cáo.

VII. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

1. Tổ chức thực hiện khảo sát, nghiên cứu lập đề án

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn.

- Cơ quan xây dựng đề án: Do tính chất công việc có tính chuyên môn, đặc thù nên chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn xây dựng đề án và lập hồ sơ thực hiện chi định theo đúng quy định pháp luật.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch; UBND huyện Ninh Sơn và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

2. Thời gian triển khai lập đề án: 6 tháng (kể từ khi đề cương được phê

duyệt, chủ đầu tư kêu gọi được nguồn vốn xã hội hóa và hợp đồng được ký).

XIII. DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Căn cứ lập dự toán

- Nghị định số 38/2019/NĐ-CP, ngày 09/5/2019 của Chính phủ về việc quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;
- Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị định số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;
- Quyết định số 487/QĐ-BNN-TCCB, ngày 26/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành định mức lao động điều tra quy hoạch rừng;
- Thông tư số 40/2017/TT-BTC, ngày 28/4/2017 về quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị.
- Giá cả thị trường tại thời điểm xây dựng dự án.
- Nội dung và khối lượng các công việc thực hiện trong công trình.

2. Tổng kinh phí xây dựng đề án

Tổng kinh phí xây dựng đề án là **744.670.500** (Bảy trăm bốn mươi bốn triệu, sáu trăm bảy mươi ngàn, năm trăm đồng), trong đó:

- Chi phí xây dựng đề cương dự toán là 19.208.055 đồng;
- Chi phí xây dựng đề án là 725.462.445 đồng.

Chi tiết tại phụ lục đính kèm

3. Nguồn vốn thực hiện: Từ nguồn vốn xã hội hóa.

**CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP NINH SƠN
GIÁM ĐỐC**



Phan Văn Tâm

Phụ lục 1: Dự thảo đề mục đề án phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn
(Theo Văn bản số 1183/TCLN-ĐDPH ngày 31/8/2021 của Tổng cục Lâm nghiệp)

TÓM TẮT ĐỀ ÁN

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết

2. Nguyên tắc phát triển du lịch

CHƯƠNG 1: ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÀ HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TẠI RĐĐ\RP

1.1. Điều kiện tự nhiên và tiềm năng du lịch tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý, ranh giới, và diện tích

1.1.2. Địa hình và địa chất

1.1.3. Khí hậu và mùa vụ du lịch

1.1.4. Thủy văn

1.1.5. Hiện trạng sử dụng đất

1.1.6. Diện tích rừng

1.1.7. Đa dạng sinh học

1.1.8. Cảnh quan thiên nhiên

1.2. Dân sinh, kinh tế - xã hội và tiềm năng du lịch văn hóa

1.2.1. Dân sinh

1.2.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

1.2.3. Tiềm năng du lịch văn hóa

1.3. Giao thông

a) Hệ thống giao thông đường bộ trong khu vực

b) Hệ thống giao thông đường thủy

1.4. Hiện trạng hoạt động du lịch

1.4.1. Công tác tổ chức quản lý và nguồn nhân lực

1.4.2. Hiện trạng cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch

1.4.3. Hiện trạng loại hình và sản phẩm du lịch

1.4.4. Hiện trạng các điểm, tuyến, và chương trình du lịch

1.4.5. Đầu tư du lịch

1.4.6. Các bên liên quan và hợp tác trong phát triển du lịch

1.4.7. Hiện trạng hoạt động xúc tiến, quảng bá

1.4.8. Hiện trạng sự tham gia của cộng đồng

1.4.9. Hiện trạng công tác bảo vệ môi trường du lịch

1.4.10. Hiện trạng hoạt động diễn giải thông qua du lịch

1.4.11. Kết quả hoạt động kinh doanh

CHƯƠNG 2: NỘI DUNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ GIAI ĐOẠN 2021-2030

2.1. Căn cứ xây dựng đề án

2.1.1. Căn cứ pháp lý

- a) Các văn bản pháp lý liên quan đến đề án.
- b) Các chính sách du lịch sinh thái.

2.1.2. Cơ sở khoa học và thực tiễn

- a) Chiến lược phát triển du lịch của Việt Nam, của RĐD\RPH.
- b) Các quy hoạch, đề án phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, và giải trí.
- c) Tiềm năng du lịch và nhu cầu phát triển du lịch sinh thái của RĐD\RPH.

2.2. Quan điểm, định hướng phát triển

2.3. Mục tiêu và các chỉ tiêu phát triển

2.3.1. Mục tiêu

2.3.2. Các chỉ tiêu phát triển

2.4. Đánh giá các yếu tố tác động đến phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí giai đoạn 2021-2030

2.4.1. Từ chính sách

2.4.2. Từ các cộng đồng và các công ty du lịch

2.4.3. Từ nội tại Ban quản lý

2.4.4. Từ các yếu tố khác

2.5. Nội dung phát triển các địa điểm, tuyến du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, và giải trí giai đoạn 2021-2030.

2.5.1. Định hướng và thuyết minh phương án lựa chọn các điểm du lịch

2.5.1.1. Nguyên tắc, tiêu chí chung về việc chọn các điểm du lịch

2.5.1.2. Thuyết minh chi tiết các điểm du lịch được ưu tiên phát triển

2.5.2. Định hướng và thuyết minh phương án lựa chọn các tuyến du lịch

2.5.2.1. Nguyên tắc, tiêu chí chung về việc chọn các tuyến du lịch

2.5.2.2. Thuyết minh chi tiết các tuyến du lịch trong RĐD\RPH

2.6. Đề xuất các danh mục dự án ưu tiên đầu tư, kinh phí thực hiện

2.6.1. Khái toán đầu tư, nguồn vốn, phân kỳ đầu tư (theo gian đoạn 2021-2025 và 2026-2030) và phương án huy động vốn

2.6.2. Các dự án ưu tiên

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ GẮN VỚI BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC GIAI ĐOẠN 2021-2030

3.1. Nhóm giải pháp bảo vệ môi trường du lịch, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

3.2. Nhóm các giải pháp về cơ chế, chính sách và quản lý

3.3. Nhóm các giải pháp nâng cao nhận thức và phát triển nguồn nhân lực du lịch

- 3.4. Nhóm giải pháp phát triển cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch
- 3.5. Nhóm giải pháp phát triển loại hình, sản phẩm du lịch
- 3.6. Nhóm giải pháp đầu tư du lịch
- 3.7. Nhóm giải pháp liên kết phát triển du lịch
- 3.8. Nhóm giải pháp xúc tiến quảng bá và phát triển thị trường du lịch
- 3.9. Nhóm giải pháp phát triển cộng đồng và bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa bản địa
- 3.10. Nhóm giải pháp về diễn giải, giáo dục
- 3.11. Nhóm giải pháp về an ninh, an toàn trong tổ chức hoạt động du lịch
- 3.12. Nhóm giải pháp chuyển đổi số hướng đến du lịch thông minh (nếu có)

CHƯƠNG 4: TỔ CHỨC THỰC HIỆN, QUẢN LÝ GIÁM SÁT VÀ HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ GIAI ĐOẠN 2021-2030

- 4.1. Tổ chức thực hiện
 - 4.1.1. Cơ quan cấp trên trực tiếp
 - 4.1.2. Ban quản lý RĐD\RPH...
 - 4.1.3. Các cơ quan ban, ngành địa phương liên quan
 - 4.1.4. Trách nhiệm của cộng đồng địa phương
 - 4.1.5. Trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển DLST
 - 4.2. Tổ chức giám sát
 - 4.3. Hiệu quả của đề án
 - 4.3.1. Hiệu quả kinh tế
 - 4.3.2. Hiệu quả văn hóa xã hội
 - 4.3.3. Hiệu quả bảo vệ môi trường
 - 4.3.4. Hiệu quả an ninh quốc phòng
- #### KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

**Phụ lục 2: BẢNG DỰ TOÁN CHI TIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN DU LỊCH SINH THÁI, NGHĨ DƯỠNG, GIẢI TRÍ
TẠI CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NINH SƠN, GIAI ĐOẠN 2021 – 2030**

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Định mức	Số công	Hệ số lương bình quân	Đơn giá thẩm định	Thành tiền thẩm định	Căn cứ tính
A	Hợp phần 1: Xây dựng đề cương, dự toán							19.208.055	
1	Chi phí nhân công				50		16.047.300		
-	Thu thập tài liệu, bản đồ có liên quan	Công/CT	1	15	15	3,33	225.532	3.382.977	A.1.2.2
-	Xây dựng đề cương và dự toán	Công/CT	1	11	11	5,42	367.082	4.037.900	A.2.3
-	Hội nghị thông qua đề cương, dự toán	Công/CT	1	20	20	5,42	367.082	7.341.636	A.3
-	Chỉnh sửa đề cương, dự toán	Công/CT	1	3,5	4	5,42	367.082	1.284.786	A.4
2	Chi phí quản lý (12% x 1)		50	0,12	6	4,32	292.582	1.737.936	D.93
3	Thuế giá trị gia tăng							1.422.819	
B	Hợp phần 2: Chi phí lập Đề án							725.462.445	
1	Chi phí nhân công				2.375			567.467.086	
1	Thu thập, phân tích, đánh giá tổng quan các tài liệu liên quan				144			31.343.819	
1,1	Thu thập, rà soát các cơ sở pháp lý, các định hướng pháp triển du lịch sinh thái của huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận và Quốc gia; phân tích, đánh giá tổng quan các tài liệu liên quan				75			16.418.191	
-	Thu thập các tài liệu liên quan đến du lịch sinh thái tại huyện Ninh Sơn; Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn	Công/ đơn vị	3	22	66	3,06	207.245	13.678.200	B.39.2
-	Chi phí kiểm tra = 7% công ngoài nghiệp		66	0,07	5	4,65	314.932	1.454.985	B.60
-	Chi phí phục vụ = 1/15 công ngoài nghiệp		70,62		5	4,03	272.941	1.285.006	D.92
1,2	Thu thập thông tin về điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội				68			14.925.628	
-	Thu thập kinh tế xã hội liên quan đến du lịch sinh thái (quy mô xã)	Công/ xã	3	20	60	3,06	207.245	12.434.727	B.39.1
-	Chi phí kiểm tra = 7% công ngoài nghiệp		60	0,07	4	4,65	314.932	1.322.714	B.60
-	Chi phí phục vụ = 1/15 công ngoài nghiệp		64,2		4	4,03	272.941	1.168.187	D.92
2	Điều tra, khảo sát, thu thập số liệu bổ sung phục vụ việc lập đề án				1.275			269.326.814	
2,1	Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin về hiện trạng tài nguyên rừng				51			13.022.857	

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Định mức	Số công	Hệ số lương bình quân	Đơn giá thẩm định	Thành tiền thẩm định	Căn cứ tính
-	Xác định vị trí, ranh giới các khu vực tiềm năng phát triển du lịch sinh thái và cho thuê môi trường rừng	Công/km	90	0,5	45	3,66	247.882	11.154.682	B.20.3.1
-	Chi phí kiểm tra = 7% công ngoại nghiệp		45	0,07	3	4,65	314.932	992.035	B.60
-	Chi phí phục vụ = 1/15 công ngoại nghiệp		48		3	4,03	272.941	876.140	D.92
2,2	Điều tra, khảo sát thu thập thông tin về tiềm năng du lịch				1.011			197.645.410	
-	Điều tra, thu thập đánh giá hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và các công trình dự kiến xây dựng	Công/điểm	50	6	300	3,26	220.791	66.237.273	B.50.3
-	Điều tra các giá trị về cảnh quan	Công/điểm	20	7	140	3,06	207.245	29.014.364	B.50.3
-	Điều tra các giá trị về lịch sử và văn hóa	Công/điểm	10	5	50	3,06	207.245	10.362.273	B.50.3
-	Khảo sát các tuyến du lịch	Công/km	120	3,3	396	2,06	139.518	55.249.200	B.22
-	Chi phí kiểm tra = 7% công ngoại nghiệp		886	0,07	62	4,65	314.932	19.532.071	B.60
-	Chi phí phục vụ = 1/15 công ngoại nghiệp		948,02		63	4,03	272.941	17.250.229	D.92
2,3	Điều tra, đánh giá thực trạng các hoạt động quản lý, bảo vệ rừng làm cơ sở định hướng các giải pháp hoạt động bảo vệ, phát triển rừng cho các khu vực thuê môi trường rừng				212			58.658.547	
-	Điều tra thực địa các nội dung thực hiện bảo vệ và phát triển rừng ở các khu vực cho thuê môi trường rừng: Diện tích, khối lượng, giải pháp kỹ thuật, cách thức triển khai về bảo vệ rừng, phát triển rừng, PCCCR...	ha	28.485	0,007	199	4,06	274.973	54.828.976	B.48.4
-	Chi phí kiểm tra = 7% công ngoại nghiệp		95	0,07	7	4,65	314.932	2.110.043	B.60
-	Chi phí phục vụ = 1/15 công ngoại nghiệp		95		6	4,03	272.941	1.719.528	D.92
3	Xử lý, tính toán, phân tích số liệu và viết báo cáo				702			192.336.000	
3,1	Phân tích, xử lý số liệu, tổng hợp tài liệu	Công/CT	1	150	150	4,98	337.282	50.592.300	C.85.3
3,2	Xử lý, số hóa bản đồ				486			119.483.100	
-	Xử lý, số hóa bản đồ hiện trạng tài nguyên thiên nhiên, du lịch (1/25.000)	Công/mảnh	3	54	162	3,63	245.850	39.827.700	C.79.3
-	Xử lý, số hóa Bản đồ quy hoạch các tuyến, điểm du lịch; không gian kiến trúc và hạ tầng du lịch (1/25.000)	Công/mảnh	3	54	162	3,63	245.850	39.827.700	C.79.3
-	Xử lý, số hóa Bản đồ quy hoạch các khu vực cho thuê môi trường rừng (1/25.000)	Công/mảnh	3	54	162	3,63	245.850	39.827.700	C.79.3
3,3	Viết báo cáo đề án	Công/CT	1	66	66	4,98	337.282	22.260.600	C.86.4
4	Chi phí quản lý (12% x (1+2+3))		2.121	0,12	254	4,32	292.582	74.460.453	D.93

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Định mức	Số công	Hệ số lương bình quân	Đơn giá thẩm định	Thành tiền thẩm định	Căn cứ tính
II	CHI PHÍ PHƯƠNG TIỆN, TIỀN NGŨ							31.000.000	Thực tế
1	Thuê xe ô tô đi các hội nghị (2 hội nghị x 2 chiều/hội nghị) - Xe ô tô 07 chỗ đi từ Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn đến các địa điểm hội nghị tại Sở Nông nghiệp - Khoảng cách di chuyển tối đa: 40km/chiều - Thời gian làm việc: 10-12 tiếng/ngày	Chiều	4				1.000.000	4.000.000	SS1: 1.500.000đ/chiều SS2: 1.200.000đ/chiều SS3: 1.000.000đ/chiều
2	Thuê xe máy khảo sát, xác minh hiện trường (30 ngày x 6 xe/6 người) - Xe máy sử dụng khảo sát ngoại nghiệp, di chuyển tại khu vực các xã trên địa bàn và vùng phụ cận có diện tích rừng thuộc quản lý của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn - Bao gồm: chi phí thuê xe, khấu hao xe,....	Xe	180				150.000	27.000.000	SS1: 160.000đ/xe SS2: 150.000đ/xe SS3: 200.000đ/xe
III	CHI PHÍ VẬT LIỆU, DỤNG CỤ							35.500.000	
1	Văn phòng phẩm các loại phục vụ viết báo cáo - Mực in, cặp file, giấy A4 Double A định lượng 70gsm, các loại văn phòng phẩm khác (bút bi, tẩy, bút chì,....) phục vụ quá trình xử lý số liệu, viết báo cáo nháp, hoàn thiện báo cáo,....	Đề án	1				5.000.000	5.000.000	Tạm tính
2	Photocopy, đóng tập phục vụ các hội nghị (2HN x 15 tập/HN) - Chi phí in ấn, photo, đóng tập báo cáo phục vụ các hội nghị nghiệp thu, đánh giá dự án - Khó giấy A4 - Số trang dự kiến: 300 trang - Ruột giấy Fort 80gsm, in 4 màu 2 mặt, nội dung có hình ảnh và biểu đồ minh họa chi tiết; bìa giấy Couche 250gsm, in 4 màu 1 mặt, cán màng bóng; dán keo giấy, bìa kiếng, đóng cuốn thành phẩm. - Số lượng: 15 cuốn/ 01 hội nghị - Tổng công: 30 cuốn/02 hội nghị	Cuốn	30				150.000	4.500.000	SS1: 150.000đ/cuốn SS2: 170.000đ/cuốn SS3: 165.000đ/cuốn
3	Photocopy nhân bản, đóng tập thành quả bàn giao - Chi phí in ấn, đóng tập báo cáo đã qua nghiệp thu, chỉnh sửa để nộp tại các cơ quan, ban ngành nhằm báo cáo kết quả thực hiện dự án - Khó giấy A4 - Số trang dự kiến: 300 trang	Cuốn	10				200.000	2.000.000	SS1: 200.000đ/cuốn SS2: 255.000đ/cuốn SS3: 250.000đ/cuốn

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Định mức	Số công	Hệ số lương bình quân	Đơn giá thẩm định	Thành tiền thẩm định	Căn cứ tính
	- Ruột giấy Fort 80gsm, in 4 màu 2 mặt, nội dung có hình ảnh và biểu đồ minh họa chi tiết; bìa giấy Couche 250gsm, in 4 màu 1 mặt, cán màng bóng; dán keo gáy, bìa kiếng, đóng cuốn thành phẩm. - Số lượng: 10 cuốn								
4	In bản đồ A0 phục vụ 2HN - Kích thước: Khô A0 - Chất liệu: giấy cao cấp chuyên dùng để in bản đồ, độ bám mực tốt; in 4 màu 1 mặt, cán màng bóng 2 mặt - Bản đồ tỉ lệ 1/25.000 sử dụng cho các hội nghị nghiệm thu, chỉnh sửa - Số lượng bản đồ: 10 tờ/01 hội nghị	Tờ	20				300.000	6.000.000	SS1: 300.000đ/tờ SS2: 370.000đ/tờ SS3: 400.000đ/tờ
5	In bản đồ A0 thành quả bản giao (3 loại x 2 tờ A0/loại x 10 bộ) - Kích thước: Khô A0 - Chất liệu: giấy cao cấp chuyên dùng để in bản đồ, độ bám mực tốt; in 4 màu 1 mặt, cán màng bóng 2 mặt - Bản đồ tỉ lệ 1/25.000 sử dụng bản giao, báo cáo kết quả để án - Số lượng bản đồ: 03 loại x 02 tờ A0/loại x 10 bộ	Tờ	60				300.000	18.000.000	SS1: 300.000đ/tờ SS2: 370.000đ/tờ SS3: 400.000đ/tờ
IV	CHI PHÍ HỘI NGHỊ							37.757.400	
1	Hội nghị tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn	Công/CT	1	60	60	4,98	314.645	18.878.700	C.88.1.3
2	Hội nghị nghiệm thu dự án tại Sở NN và PTNT và các Sở liên quan	Công/CT	1	60	60	4,98	314.645	18.878.700	C.88.2.3
	TỔNG GIÁ DỰ TOÁN TRƯỚC THUẾ (I+II+III+IV)							671.724.486	
	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG 8%							53.737.959	
C	TỔNG CỘNG SAU THUẾ (A+B)							744.670.500	